

KẾ HOẠCH

**Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về
công tác y tế năm 2019 của Sở Y tế Thanh Hóa**

Căn cứ Quyết định số 221/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Quy định về việc đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Chương trình công tác năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của Sở Y tế năm 2019, như sau:

(Có phụ lục chi tiết đính kèm)

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước năm 2019 của Sở Y tế, kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện./. *HQ*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Nội vụ, TTr tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP.



Trịnh Hữu Hùng

Phụ lục. NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2019 CỦA SỞ Y TẾ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 114 /KH-SYT ngày 15/01/2019 của Sở Y tế Thanh Hóa)

TT	Nội dung kế hoạch	ĐVT/đầu mỗi thực hiện	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	Điểm chuẩn tối đa	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Kế hoạch nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội			15		
1	Các mục tiêu chủ yếu			8		
1.1	Tốc độ tăng dân số	%	Bình quân hàng năm thấp hơn 0,65	0,5	Trong năm	
1.2	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	29,4	1	Trong năm	
1.3	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	9,5	1	Trong năm	
1.4	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ	%	89,0	1	Trong năm	
1.5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo chuẩn mới)	%	85,2	1	Trong năm	
1.6	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi	‰	11,6	0,5	Trong năm	
1.7	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi	‰	16,6	0,5	Trong năm	
1.8	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi	%	16,0	0,5	Trong năm	
1.9	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	87,5	1	Trong năm	
1.10	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử	%	99	1	Trong năm	

	lý đạt tiêu chuẩn					
2.	Nhiệm vụ trọng tâm			7		
2.1	Đề án sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình vào Trung tâm Y tế các huyện, thị, thành phố	TCCB	Tờ trình kèm theo Quyết định phê duyệt Đề án	1	Quý I	
2.2	Đề án sắp xếp các đơn vị làm nhiệm vụ Y tế dự phòng cấp tỉnh thành Trung tâm Phòng ngừa và kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa (CDC Thanh Hóa)	TCCB	Tờ trình kèm theo Quyết định phê duyệt Đề án	1	Quý I	
2.3	Kế hoạch lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe toàn dân	VP	Kế hoạch được Tỉnh phê duyệt	1	Quý II	
2.4	PHối hợp với STC, SNV hướng dẫn các bệnh viện thực hiện Đề án tự chủ tại các bệnh viện theo Quyết định 2782/QĐ-UBND	KHTC	Tờ trình kèm theo Quyết định phê duyệt	1	Quý I	
2.5	Mỗi bệnh viện thực hiện triển khai ít nhất 01 kỹ thuật mới	NVY	Phê duyệt thực hiện kỹ thuật cao tại các đơn vị	1	Trong năm	
2.6	Triển khai Kế hoạch 134/KH-UBND ngày 05/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa thực hiện Đề án quản lý kê đơn và bán thuốc theo đơn	NVY, QLHNYDTN QLD	Báo cáo kết quả thực hiện năm 2019	1	Trong năm	
2.7	Kế hoạch lập hồ sơ, khám sức khỏe toàn dân	VP	KH được Tỉnh phê	1	Quý II	

			duyệt			
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực			42		
1	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ QLNN theo ngành, lĩnh vực			22		
1.1	Lĩnh vực y tế dự phòng			4,0		
1.1.1	Xây dựng các kế hoạch chuyên ngành	NVY, TTYTDP	Các kế hoạch được phê duyệt	0,5	Trong quý I	
1.1.2	Thực hiện thông tư 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về “Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm”.	NVY TTYTDP	Công văn hướng dẫn	0,5	Trong năm	
1.1.3	Triển khai quản lý, hướng dẫn, tư vấn điều trị các bệnh không lây nhiễm tại 100% xã thuộc 09 huyện điểm đã thực hiện trong năm 2018; triển khai 02 xã/01 huyện của 18 huyện còn lại	TTYTDP	Báo cáo kết quả thực hiện năm 2019	0,5	Trong năm	
1.1.4	Triển khai công tác đảm bảo y tế trong dịp tết, các ngày lễ hội các sự kiện diễn ra trong tỉnh	NVY	Kế hoạch, báo cáo kết quả	0,5	Trong năm	
1.1.5	Thẩm định kết quả hệ dự phòng	NVY	Kế hoạch	0,5	Tháng 11, 12	
1.1.6	Thẩm định chuẩn quốc gia y tế	NVY	Tờ trình, Quyết định phê duyệt	0,5	Theo kế hoạch trong năm	

1.1.7	Thành lập phòng khám đa khoa và triển khai hoạt động có hiệu quả, giảm quá tải cho các bệnh viện trên địa bàn sau khi được UBND tỉnh có quyết định phê duyệt thành lập TTYT có chức năng KCB ngoại trú	TCCB NVY	Quyết định thành lập	0,5	Trong năm	
1.1.8	Đảm bảo an toàn tiêm chủng, không để xảy ra sự cố do chủ quan của hệ thống y tế. Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ các vắc xin Chương trình Tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 01 tuổi đạt trên 95% ở tất cả các xã, phường, thị trấn.	NVY TTYTDP	Báo cáo	0,5	Trong năm	
1.2	Lĩnh vực khám, chữa bệnh			3,5		
1.2.1	Đánh giá chất lượng bệnh viện, đưa ra một số tiêu chí cải thiện CLBV năm 2019	NVY	Kế hoạch, báo cáo	0,5	Trong năm	
1.2.2	Thành lập khoa Lão khoa tại một số đơn vị	TCCB	Các Quyết định phê duyệt	0,5	Trong năm	
1.2.3	Tiếp tục triển khai phòng công tác xã hội và tổ chăm sóc khách hàng tại các cơ sở khám chữa bệnh	TCCB	Kế hoạch	0,5	Theo kế hoạch	
1.2.4	Triển khai công tác quản lý thuốc và kê đơn thuốc	QLD	Báo cáo	0,5	Trong năm	
1.2.5	Kiểm tra công tác khám chữa bệnh; công tác hành nghề khám chữa bệnh ngoài công lập	QLHNYDTN	Quyết định phê duyệt, báo cáo kết	0,5	Trong năm	

			quả			
1.2.6	Tổ chức xét cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề và điều chỉnh phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho các cá nhân hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.	QLHNYDTN	Báo cáo	0,5	Trong năm	
1.2.7	Cơ sở khám chữa bệnh đạt điểm Xanh – Sạch – Đẹp ≥ 85 điểm. Trên 50% số nhà vệ sinh trong bệnh viện đạt ≥ 4 điểm, số nhà vệ sinh còn lại phải đạt ≥ 3 điểm.	NVY		1,0	Trong năm	
1.3	Lĩnh vực phục hồi chức năng			1,0		
1.3.1	Tiếp tục triển khai kỹ thuật mới áp dụng điều trị cho người bệnh, nâng cao chất lượng chuyên môn các lĩnh vực Vật lý PHCN			0,5	Trong năm	
1.3.2	Triển khai công tác chỉ đạo tuyến, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng		Văn bản triển khai	0,5	Trong năm	
1.4	Lĩnh vực y dược cổ truyền			1,0		
1.4.1	Chỉ đạo tuyến tới các cơ sở y tế huyện, thị, thành phố.		Báo cáo	0,5	Trong năm	

1.4.2	Tích cực áp dụng các kỹ thuật mới vào chẩn đoán và điều trị tại Bệnh viện		Báo cáo	0,5	Trong năm	
1.5	Lĩnh vực thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người			4,5		
1.5.1	Triển khai các Thông tư của Bộ Y tế về thực hiện một số điều của Nghị định 54/2017/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Dược; Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế	QLD	Văn bản chỉ đạo	0,5	Trong năm	
1.5.2	Kiểm tra công tác dược lâm sàng tại một số Bệnh viện	QLD	Báo cáo kiểm tra	0,5	Trong năm	
1.5.3	Củng cố Hội đồng thuốc và điều trị, hệ thống dược lâm sàng	QLD	Báo cáo kết quả	0,5	Trong năm	
1.5.4	Tổ chức tốt công tác đấu thầu thuốc	QLD	Quyết định phê duyệt kết quả	0,5	Trong năm	
1.5.5	Tổ chức tốt công tác đấu thầu mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, SPCD	QLD	Quyết định phê duyệt kết quả	0,5	Trong năm	
1.5.6	Báo cáo các phản ứng có hại của thuốc	QLD	Báo cáo	0,5	Hàng quý	
1.5.7	Tổ chức thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề dược cho cá nhân đăng ký; thẩm định GPs, địa điểm,	QLHNYDTN		0,5	Thường xuyên trong năm	

	thời gian thẩm định các cơ sở đăng ký đạt tiêu chuẩn GDP, GPP trên địa bàn toàn tỉnh (mỗi tháng tổ chức từ 6 đến 8 đợt thẩm định).					
1.5.8	Kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn được tại bệnh viện	QLD	Kế hoạch	0,5	Theo Kế hoạch	
1.5.9	Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về dược và mỹ phẩm; các văn bản về đấu thầu mới ban hành cho các cơ sở kinh doanh và sử dụng thuốc	QLD	Báo cáo	0,5	Quý I	
1.6	Lĩnh vực mỹ phẩm			1,0		
1.6.2	Tổ chức thanh, kiểm tra về mỹ phẩm	QLD	Kế hoạch	0,5	Theo kế hoạch	
1.6.3	Tiếp nhận và phê duyệt kết quả quảng cáo mỹ phẩm cho tổ chức, công dân	QLD	Giấy tiếp nhận	0,5	Thường xuyên	
1.7	Lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm			2,5		
1.7.1	Triển khai kế hoạch kiểm tra ATTP các BATT trường học và doanh nghiệp theo phân cấp quản lý	NVY CC ATVSTP	Kế hoạch	0,5	Trong năm	
1.7.2	Triển khai kế hoạch tháng hành động vì ATTP năm 2018	NVY CC ATVSTP	Kế hoạch	0,5	Trước ngày 12/4/2019	
1.7.3	Triển khai kế hoạch bảo đảm ATTP Tết trung thu năm 2019	NVY CC ATVSTP	Kế hoạch	0,5	Trước Tết Trung thu 2019	
1.7.4	Triển khai kế hoạch đảm bảo ATTP Tết Kỷ Hợi và mùa lễ hội xuân 2019	NVY CC ATVSTP	Kế hoạch	0,5	Trước 31/12/2018	

1.7.5	Hướng dẫn địa phương xây dựng các mô hình BATT bảo đảm ATTP	NVY CC ATVSTP	Các mô hình	0,5	Trong năm	
1.8	Lĩnh vực trang thiết bị y tế			1,0		
1.8.1	Tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu xây dựng các trạm y tế xã thuộc Đề án tăng cường cơ sở vật chất trạm y tế xã đến năm 2020	KHTC	Các quyết định phê duyệt	0,5	Trong năm	
1.8.2	Triển khai Dự án mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Ung bướu	KHTC	Tờ trình và Quyết định phê duyệt	0,5	Trong năm	
1.9	Lĩnh vực dân số			2,0		
1.9.1	Giảm tỷ suất sinh thô 0,1‰.	NVY CC DS- KHHGD		0,5	Trong năm	
1.9.2	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 818 về XHH cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD đạt kết quả tốt trên 18 huyện, thị, thành phố	NVY CC DS- KHHGD		0,5	Trong năm Theo Đề án	
1.9.3	Triển khai Chương trình hành động truyền thông chuyên đổi hành vi về dân số và phát triển giai đoạn 2018-2020	NVY CC DS- KHHGD	Báo cáo kết quả	0,5	Trong năm	
1.9.4	Triển khai Đề án tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số- KHHGD cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2018-2020	NVY CC DS- KHHGD	Báo cáo kết quả	0,5	Trong năm	

1.10	Lĩnh vực bảo hiểm y tế			1.5		
1.10.1	Thực hiện chính sách hỗ trợ KCB cho người nghèo năm 2018	KHTC	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện	0,5	Trong năm	
1.10.2	Tổ chức kiểm tra về tình hình thực hiện khám chữa bệnh BHYT tại một số cơ sở khám chữa bệnh	NVY	Báo cáo kết quả	0,5	Theo kế hoạch	
1.10.3	Thực hiện hỗ trợ kinh phí đóng BHYT cho người nhiễm HIV	KHTC	Báo cáo kết quả	0,5	Trong năm	
2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và chế độ thông tin báo cáo theo quy định			20		
2.1	Thực hiện nhiệm vụ theo chương trình công tác hàng năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh: Kế hoạch lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe toàn dân	VP		4		
2.2	Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong chỉ đạo, điều hành	Các phòng	Các công văn kết thúc công việc được giao	12	Trong năm	
2.3	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định	Các phòng	Báo cáo định kỳ đầy đủ theo quy định	04	Trong năm	

III	Kết quả thực hiện công tác phòng chống tham nhũng (PCTN)	Thanh tra; BCĐ PCTN		10		
1	Ban hành Kế hoạch Thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng năm 2019	TTr	QĐ ban hành kế hoạch	01	Tháng 12/2018	
2	Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng	TTr	QĐ đi thanh tra, kiểm tra	07	Trong năm	
2.1	<i>Triển khai kế hoạch kiểm tra phòng chống tham nhũng</i>	TTr	Triển khai kết luận thanh tra, kiểm tra	05	Sau khi có kết luận thanh tra, kiểm tra	
2.2	<i>Kê khai, công khai tài sản, tài chính theo quy định</i>	TCCB	Báo cáo	01	Trong năm	
2.3	<i>Thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định</i>	TCCB	Báo cáo	01	Trong năm	
3	Tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, hành vi tham nhũng thuộc thẩm quyền theo quy định	TTr	Báo cáo kết quả	04	Trong năm	
IV	Công tác CCHC			23	Trong năm	
1	Kết quả thực hiện cải cách hành chính	VP	Theo bảng chấm	13	Trong năm	
2	Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp		Theo kết quả đánh giá của UBND tỉnh	10	Trong năm	
V	Điểm thưởng, phạt (cộng, trừ)		Theo tình hình thực tế	10	Trong năm	

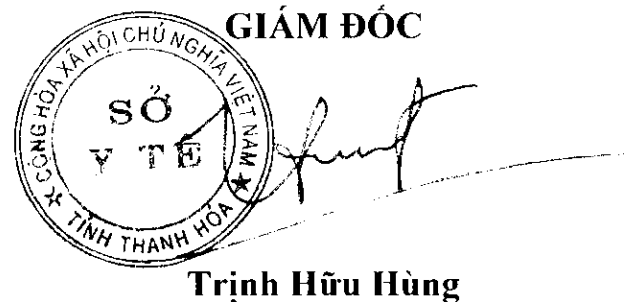
Tổng cộng I + II + III + IV + V			100		
--	--	--	------------	--	--

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước năm 2019; Sở Y tế kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện./. *HQ*

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Nội vụ;
- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc (t/h);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Trịnh Hữu Hùng